

Số: 141/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục Sửa chữa Nhà tiêu bản; công tường rào; sân đường nội bộ và hệ thống thoát nước; xây mới nhà để xe hai bánh cán bộ nhân viên và hệ thống đèn cao áp thuộc dự án Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020;



h

Căn cứ Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2632/TTr-SXD ngày 17/8/2020,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình với những nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục công trình: Sửa chữa Nhà tiêu bản; cổng tường rào; sân đường nội bộ và hệ thống thoát nước; xây mới nhà để xe hai bánh cán bộ nhân viên và hệ thống đèn cao áp.

- Thuộc dự án: Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020.

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình.

3. Tổ chức tư vấn thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh.

4. Chủ nhiệm thiết kế: Ông Phan Lê Thanh.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Sửa chữa Nhà tiêu bản:

- Tầng 01: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn hiện trạng trong, ngoài và trần nhà sau đó bả matic sơn 03 nước màu trắng xám; đục bỏ toàn bộ gạch nền khu WC, thay bằng gạch chống trơn KT300x300; tháo bỏ sau đó thay mới toàn bộ thiết bị WC; lắp đặt mới toàn bộ quạt trần cho các phòng.

- Tầng 02: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn hiện trạng trong, ngoài và trần nhà sau đó bả matic sơn 03 nước màu trắng xám; cạo sạch lớp sơn lan can, sơn dầu lại 03 lớp; đục bỏ toàn bộ gạch nền khu WC, tiến hành chống thấm và lát lại bằng gạch chống trơn KT300x300; tháo bỏ sau đó thay mới toàn bộ thiết bị WC; lắp đặt mới toàn bộ quạt trần cho các phòng; đục bỏ sau đó láng lại lớp vữa xi măng sênô mái, chống thấm bằng chất chuyên dụng toàn bộ sênô; thay mới bồn nước inox có khối tích 2m<sup>3</sup>.

b) Sửa chữa, cải tạo Cổng tường rào, xây mới Nhà bảo vệ:

- Xây mới Cổng, tường rào loại 01 có chiều dài 104,3m với kết cấu: Móng trụ cổng, trụ tường rào BTCT đá 1x2 M200 và được xây ốp bằng gạch thẻ không nung; bảng hiệu xây gạch thẻ không nung, mặt ngoài được ốp đá granite, chữ bảng alu nhôm kính; cổng chính sử dụng loại cổng xếp inox tự động, cổng phụ 01 cánh mở bằng khung thép; tường rào phía dưới xây gạch ống không nung kết hợp giằng BTCT đá 1x2 M200 cao 700, phía trên gắn khung thép cao 1,35m;

*h*

toàn bộ tường xây sơn màu 03 nước có bả matit, các cấu kiện sắt thép sơn dầu 03 lớp.

- Sửa chữa tường rào loại 02 có chiều dài 61,2m: Cạo bỏ toàn bộ lớp vôi tường rào, trụ rào và lớp sơn chông sắt sau đó tường rào, trụ rào được quét vôi 03 nước, chông sắt được sơn dầu 03 lớp.

- Xây mới Nhà bảo vệ: Công trình cấp IV - 01 tầng có diện tích 21,84m<sup>2</sup>. Kết cấu: hệ khung móng, trụ, dầm, sàn mái và sê nô BTCT đá 1x2 M200; tường xây gạch ống không nung, các kết cấu phức tạp xây gạch thẻ không nung; nền phòng, bậc cấp lát gạch ceramic KT600x600; toàn bộ cửa đi, cửa sổ dùng cửa kính khung nhựa lõi thép và kính cường lực dày 8ly kết hợp khung sắt bảo vệ; kết cấu đỡ mái bằng khung thép hộp kết hợp mái lợp tole dày 4,5dem; toàn bộ hạng mục sơn màu 03 nước có bả matit; thiết kế hệ thống điện trong nhà, thoát nước mái đầy đủ.

c) Xây mới Nhà xe 02 bánh: Công trình cấp IV - 01 tầng có diện tích 59,2m<sup>2</sup>. Kết cấu: Trụ đỡ chính bằng thép ống STK D76 liên kết với móng trụ bê tông đá 1x2 M200 bằng bản mã; kết cấu đỡ mái bằng khung thép hộp kết hợp mái lợp tole dày 4,5dem; nền bê tông đá 1x2 M200 dày 120; các cấu kiện sắt thép sơn dầu 03 lớp.

d) Sửa chữa, cải tạo Sân đường nội bộ với 04 loại kết cấu:

- Loại 01 được áp dụng cho mặt sân đường BTXM hiện hữu bị rỗ mặt, rạn nứt chân chim nhẹ, đọng nước khi trời mưa có kết cấu từ trên xuống như sau:

- + Lớp bê tông nhựa C9.5 có chiều dày trung bình sau lu lèn là 5cm;
- + Tưới nhựa dính bám lượng nhựa tiêu chuẩn là 0,5kg/m<sup>2</sup>;
- + Vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi tưới nhựa.

- Loại 02 được áp dụng cho phạm vi mặt đường BTXM hiện hữu bị rỗ mặt, rạn nứt chân chim, bề mặt gồ ghề sâu trung bình 10cm có kết cấu từ trên xuống như sau:

- + Lớp bê tông nhựa C9.5 có chiều dày trung bình sau lu lèn là 5cm;
- + Tưới nhựa dính bám lượng nhựa tiêu chuẩn là 0,5kg/m<sup>2</sup>;
- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày trung bình 10cm;
- + Vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi sửa chữa.

- Loại 03 được áp dụng cho phạm vi mặt đường BTXM hiện hữu bị rỗ mặt, rạn nứt chân chim, bề mặt gồ ghề sâu trung bình 3cm có kết cấu từ trên xuống như sau:

- + Lớp bê tông nhựa C9.5 có chiều dày trung bình sau lu lèn là 5cm;
- + Lớp bê tông bù phụ nhựa C9.5 có chiều dày trung bình 3cm;
- + Tưới nhựa dính bám lượng nhựa tiêu chuẩn là 0,5kg/m<sup>2</sup>;
- + Vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi tưới nhựa.

- Loại 04 được áp dụng cho phạm vi thiết kế cải tạo mở rộng đường vào có kết cấu từ trên xuống như sau:

- + Lớp bê tông nhựa C9.5 có chiều dày trung bình sau lu lèn là 5cm;



- + Tưới nhựa dính bám lượng nhựa tiêu chuẩn là 0,5kg/m<sup>2</sup>;
- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày trung bình 20cm;
- + Lớp lót móng đá 4x6 dày 10cm;
- + Đào khuôn đường đến đáy kết cấu và hoàn thiện nền hạ hoặc đắp bù CPTN lu lèn K=0,95.

- Thiết kế bổ sung sân BTXM sau nhà làm việc có kết cấu từ trên xuống như sau:

- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày trung bình 10cm;
- + Lót 01 lớp cát tạo phẳng dày 3cm;
- + Đào khuôn đến đáy kết cấu và hoàn thiện nền hạ hoặc đắp bù CPTN lu lèn K=0,95 (đối với nền đắp).

e) Sửa chữa, cải tạo Hệ thống thoát nước:

- Cải tạo mương thoát nước dọc có chiều dài 23m tại vị trí cổng vào Vườn Quốc gia Phước Bình với kết cấu: Đáy mương bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 dày 20cm, lót móng bằng đá 4x6 dày 10cm; nắp mương che đậy bằng tấm đan BTCT đá 1x2 M250; tại 02 đầu mương thoát nước bố trí mỗi bên 1 cọc tiêu để cảnh báo.

- Xây mới mương thoát nước phía sau nhà làm việc Vườn Quốc gia Phước Bình có chiều dài 115,57m với kết cấu: Đáy mương bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày 12cm, lót móng bằng đá 4x6 dày 10cm; tại những vị trí có lối lên xuống bố trí tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250.

+ Thiết kế gia cố tường chắn kết hợp mái taluy: Tại những vị trí hệ số mái taluy lớn và mặt bằng hạn chế có kết cấu tường chắn bằng BTXM đá 1x2 M200, lót móng bằng đá 4x6 dày 10cm. Tại những vị trí hệ số mái taluy nhỏ có kết cấu tường chắn bằng BTXM đá 1x2 M200 dày 10cm, lót móng bằng vữa XM M50 dày 3cm, chân khay bằng BTXM đá 1x2 M200, lót móng bằng đá 4x6 dày 10cm.

- Bố trí 01 vị trí bậc cấp lối lên xuống có bề rộng 2m với kết cấu bằng BTXM đá 1x2 M200 dày 10cm, lót móng bằng vữa XM M50 dày 3cm.

f) Hệ thống đèn cao áp:

Lắp dựng cột đèn chiếu sáng cao 9m (04 cần đơn và 01 cần đôi) tại 05 vị trí có đường kính đáy trụ 163mm, đường kính đầu trụ 56mm và đế trụ dày 12mm, trụ được mạ kẽm nhúng nóng sau khi gia công.

6. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:

- Quy chuẩn XDVN tập I được ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CXD ngày 14/12/1996;

- Quy chuẩn XDVN tập II được ban hành theo Quyết định số 493/BXD-CXD ngày 25/09/1997 của Bộ Xây dựng;

- QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

*h*

- TCVN 4319:2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản thiết kế;
- TCVN 2737:1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5687:2010: Thông gió, điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207:2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 3890:2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9404:2012: Sơn Xây dựng - Phân loại;
- TCVN 9377:2012: Công tác hoàn thiện trong xây dựng;
- TCXDVN 33:2006: Cấp nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Phước Bình, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

8. Tổng dự toán xây dựng công trình: **6.434.893.838 đồng**, trong đó:

Chi phí xây dựng:	2.407.317.602 đồng;
Chi phí thiết bị:	3.051.686.000 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	214.322.963 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	312.895.198 đồng;
Chi phí khác:	159.647.561 đồng;
Chi phí dự phòng:	289.024.514 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp kinh phí do Sở Xây dựng thẩm định và xác lập tại Văn bản số 2631/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 17/8/2020).

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Trung ương năm 2020 (theo Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

Chủ đầu tư (Ban Quản lý Vườn quốc gia Phước Bình) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.



*[Handwritten signature]*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái; Giám đốc Vườn Quốc gia Phước Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

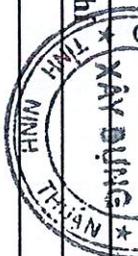
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT. TL

**CHỦ TỊCH****Lưu Xuân Vĩnh**

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
**DỰ ÁN: VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.**

**CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA NHÀ CHỨA NHÀ TÌM BẮN; CÔNG TƯỜNG RÀO; SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC;**  
**XÂY MỚI NHÀ ĐỂ XE SHAI BẮN; CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ HỆ THỐNG ĐIỆN CAO ÁP.**  
(Đính kèm theo Văn bản số 283 /SXD-QLHXD&HTKT ngày 17/ 8 /2020 của Sở Xây dựng)



Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Hệ số (Ki)	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>G = G1+...+G6</b>		<b>2.188.470.548</b>
1	Sửa chữa Nhà tiêu bản	G1		220.641.811
2	Sửa chữa, cải tạo Công tường rào	G2		731.827.539
3	Xây mới Nhà xe 02 bánh	G3		56.552.820
4	Sửa chữa, cải tạo Sân đường nội bộ	G4		750.318.684
5	Hệ thống thoát nước	G5		259.436.931
6	Hệ thống đèn cao áp	G6		169.692.763
	THUẾ GTGT	GTGT=G x 10%		218.847.055
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>G<sub>XD</sub>=G + GTGT</b>		<b>2.407.317.602</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí thiết bị sau thuế</b>	<b>G<sub>TB</sub>=G<sub>TBTT1</sub> x 1,1</b>		<b>3.051.686.000</b>
	<i>Chi phí thiết bị trước thuế</i>	<b>G<sub>TBTT1</sub> = G<sub>TBTT1</sub> + G<sub>TBTT2</sub></b>		<b>2.774.260.000</b>
1	Trang thiết bị làm việc cho Nhà giáo dục môi trường	G <sub>TBTT1</sub> = (bảng tính)		1.817.080.000
2	Trang thiết bị làm việc trụ sở BQL Vườn Quốc gia Phước Bình	G <sub>TBTT2</sub> = (bảng tính)		957.180.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>G<sub>QDA</sub>=(G+G<sub>TBTT</sub>) x Ki x 1,35</b>	3,199%	<b>214.322.963</b>
<b>V</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>G<sub>Tv</sub>= TV1+...+TV13</b>		<b>312.895.198</b>
1	Chi phí khảo sát, đo vẽ hiện trạng	TV1 = (bảng tính)		4.359.714
2	Chi phí khảo sát địa hình	TV2 = (bảng tính)		11.215.225
3	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	TV3=TV2 x Ki	4,072%	456.684
4	Chi phí lập hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán xây dựng	TV4=G x Ki x 1,1	2,858%	68.801.137
5	Chi phí thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	TV5=G x Ki x 1,1	0,252%	6.066.440
6	Chi phí thẩm tra dự toán	TV6=G x Ki x 1,1	0,245%	5.897.928
7	Chi phí thẩm định giá thiết bị	TV7=(tạm tính)		3.000.000
8	Chi phí giám sát thi công xây lắp	TV8=G x Ki x 1,1 x 1,2	3,213%	92.816.537
9	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	TV9=G <sub>TBTT</sub> x Ki x 1,1 x 1,2	0,718%	26.293.327
10	Chi phí thí nghiệm, kiểm định chất lượng vật liệu của CĐT	TV10=TV8 x Ki	35,000%	32.485.788
11	Chi phí giám sát đánh giá đầu tư của CĐT	TV11=G <sub>QDA</sub> x Ki	20,000%	42.864.593

12	Chi phí lập HSMT & DGHSDT thi công xây lắp	$TV12 = G \times K_i \times 1,1$	0,418%	10.062.588
13	Chi phí lập HSMT & DGHSDT cung cấp thiết bị	$TV13 = G \times K_i \times 1,1$	0,281%	8.575.238
VI	<b>Chi phí khác</b>	$G_K = K1 + \dots + K10$		<b>159.647.561</b>
1	Phí thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công	$K1 = G \times K_i \times 50\%$	0,0495%	541.646
2	Phí thẩm định dự toán	$K2 = G \times K_i \times 50\%$	0,048%	525.233
3	Chi phí bảo hiểm công trình	$K3 = G \times K_i \times 1,1$	0,120%	2.888.781
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$K4 = TMDT \times K_i \times 50\%$	0,439%	14.124.592
5	Chi phí thẩm định HSMT & TPK QDT TCXL	$K5 = G_{xd} \times K_i$	0,100%	2.407.318
6	Chi phí thẩm định HSMT & TPK QDT LPTB	$K6 = G_{TB} \times K_i$	0,100%	3.051.686
7	Chi phí kiểm toán	$K7 = TMDT \times K_i \times 1,1$	0,686%	48.557.709
8	Chi phí hàng Mục chung:			
8.1	<i>Chi phí xây dựng lán trại thi công</i>	$K8 = G \times K_i \times 1,1$	1,000%	24.073.176
8.2	<i>Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế</i>	$K9 = G \times K_i \times 1,1$	2,500%	60.182.940
9	Chi phí kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng	$K10 = (\text{bảng tính})$		3.294.480
VII	<b>Tổng cộng</b>	$TZ = G_{xd} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K$		<b>6.145.869.324</b>
VIII	<b>Chi phí dự phòng</b>	$DP = TDT - TZ$		289.024.514
IX	<b>Tổng dự toán đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>TDT</b>		<b>6.434.893.838</b>

NGƯỜI TỔNG HỢP



Bùi Kế Tường